Số: 1136/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-06-02T07:52:19+07:00

UBND XÃ TAM XUÂN **Biểu số 04**

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND xã Tam Xuân)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**50.519.487.000**	**264.168.219.028**	**522,90**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**50.519.487.000**	**226.735.113.901**	**448,81**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**18.477.000.000**	**25.839.362.025**	**139,85**
1	Chi đầu tư cho các dự án	0	25.839.362.025	
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực	0	0	
1.1	Chi quốc phòng	0	0	
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	0	0	
1.3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0	263.033.000	
1.4	Chi khoa học và công nghệ	0	0	
1.5	Chi y tế, dân số và gia đình	0	0	
1.6	Chi văn hóa thông tin	0	668.809.000	
1.7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	
1.8	Chi thể dục thể thao	0	136.507.000	
1.9	Chi bảo vệ môi trường	0	21.911.000	
1.10	Chi các hoạt động kinh tế	0	24.139.283.025	
1.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	0	59.819.000	
1.12	Chi bảo đảm xã hội	0	550.000.000	
1.13	Chi ngành, lĩnh vực khác	0	0	
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn	0	0	
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất*	0	0	
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết*	0	0	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0	0	
3	Chi đầu tư phát triển khác	0	0	
II	**Chi thường xuyên**	**31.572.015.000**	**200.895.751.876**	**636,31**
	Trong đó:	0	0	
1.1	*Chi quốc phòng*	249.000.000	1.401.938.300	*563,03*
1.2	*Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội*	2.000.720.000	3.062.238.800	*153,06*
1.3	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	120.000.000	89.738.128.806	*74.781,77*

hantt29-hantt29-hantt29 02/06/2026 08:02:45

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
1.4	*Chi khoa học và công nghệ*	0	0	
1.5	*Chi y tế, dân số và gia đình*	234.731.000	2.636.270.100	*1.123,10*
1.6	*Chi văn hóa thông tin*	408.000.000	2.024.502.098	*496,20*
1.7	*Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn*	272.000.000	352.896.000	*129,74*
1.8	*Chi thể dục thể thao*	272.000.000	281.409.000	*103,46*
1.9	*Chi bảo vệ môi trường*	577.782.000	2.987.930.220	*517,14*
1.10	*Chi các hoạt động kinh tế*	3.302.375.000	8.444.432.484	*255,71*
1.11	*Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể*	22.450.594.000	62.179.050.088	*276,96*
1.12	*Chi bảo đảm xã hội*	1.578.827.000	27.711.473.680	*1.755,19*
1.13	*Chi khác*	105.986.000	75.482.300	*71,22*
1.14	*Chi trợ giá các mặt hàng chính sách*	0	0	
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**	0	0	
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**	0	0	
V	**Dự phòng ngân sách**	**426.172.000**	**0**	
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	**44.300.000**	**0**	
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	**0**	**0**	
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**	**0**	**0**	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	0	0	
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**	0	0	
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)	0	0	
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**	**0**	**37.290.306.127**	
D	**CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**	**0**	**142.799.000**	

hanh29-02/06/2026 08:02:45-hanh29-hanh29-hanh29